

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HSST

Ngày: 27 – 10 – 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Văn Mến;

2. Ông Trần Huy Tùng;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Thời Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021. Đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S; Nghề nghiệp: L; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Trần Thị Bé H1 (sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S.

- *Người làm chứng:*

1/Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 2000 (Có mặt).

2/Ông Huỳnh Hữu Q, sinh năm 2002 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 16/02/2021, Nguyễn Văn T trên đường đi nhậu về thì thấy Nguyễn Minh T1 đang cùng Nguyễn Minh T2 và Huỳnh Hữu Q đi kích điện cá

trên kênh “Ông Đ” thuộc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S. Lúc này T hỏi T1 “xiệt có cá không T1” và nói với T1 “xiệt ở đó coi chừng ma bẻ chân bây giờ”, T1 mới nói “mày nhỏ tuổi mà nói chuyện kỳ vậy”, sau đó cả hai cự cãi qua lại và thách thức rủ đánh nhau tại cầu “Ông Đ”. T đi về nhà lấy cây “phăng” phát cỏ (dao tự chế) ra đứng trên cầu “Ông Đ”, khi T1 cùng T2 và Q bơi xuống đến, T hỏi T1 tại sao lại chửi T, lúc này T cầm dao tự chế đi xuống mé kênh nơi T1 đậu xuống, còn T1 cầm cây dầm dùng để bơi xuống đi lên mé kênh, khi cả hai gặp nhau T dùng dao tự chế chém T1 theo hướng từ trên xuống T1 đưa cây dầm đỡ được cùng lúc đó T1 dùng cây dầm đánh trả lại trúng tay trái và vai trái của T, khi T1 bước lên bờ kênh T chém T1 thêm một cái, T1 dùng dầm đỡ nhưng lưỡi dao chém trúng vào vai trái của T1 khiến T1 muốn ngã ra phía sau, lúc này T tiếp tục chém thêm một cái trúng vào thành bụng phải của T1 làm T1 ngã dưới mé kênh, khi thấy T định chém tiếp thì Nguyễn Minh T2 chạy đến can ngăn, giật lấy con dao. Sau đó T bỏ đi về nhà. T1 được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S, đến ngày 26/02/2021 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 84/TgT-PY ngày 18/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh S kết luận về thương tích của Nguyễn Minh T1 như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm ngang mồm cùng vai trái, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 2%. Sẹo phần mềm ngang hố chậu phải, kích thước sẹo lớn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 3%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 22/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế hiện tại là: 5% (Năm phần trăm).

- Kết luận khác: Tổn thương vùng vai trái và hố chậu phải nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng. Tổn thương vùng vai trái và hố chậu phải do vật sắc gây nên.

Quá trình điều tra (bị hại) và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT-VKSĐT ngày 06/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa bị hại vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông Nguyễn Minh T1 không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để đưa vụ án ra xét xử. Còn những người làm chứng trình bày phù hợp với các tình tiết như trong Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Nhất trí với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát; bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Minh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích, tiền ngày công lao động của người bệnh và người nuôi bệnh trong thời

gian 10 ngày nằm viện với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Trong đó chưa khấu trừ số tiền bị hại đã khắc phục được 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã thu giữ một cây dao tự chế (Cây “phẳng” phát cò), có cán bằng gỗ dài 23,6cm, phần lưỡi bằng kim loại có lưỡi cắt dài 87cm, đầu lưỡi bằng rộng 05cm.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/02/2021, tại bờ kênh gần cầu “Ông Đ” thuộc khu vực ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S. Bị cáo T đã có hành vi dùng “cây Phẳng” (Dao tự chế) gây thương tích cho Nguyễn Minh T1 với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11% nhưng thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm”. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ lời qua tiếng lại mà bị cáo đã xâm hại sức khỏe của người khác. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Tại tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã thu giữ Một cây dao tự chế (Cây “phẳng” phát cỏ), có cán bằng gỗ dài 23,6cm, phần lưỡi bằng kim loại có lưỡi cắt dài 87cm, đầu lưỡi bằng rộng 05cm. Xét thấy vật chứng trên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Minh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích: 6.000.000đ, tiền ngày công lao động của người bệnh và người nuôi bệnh trong thời gian 10 ngày nằm viện: 4.000.000đ. Khấu trừ 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bị cáo đã khắc phục. Còn lại 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Qua xem xét, cân nhắc các khoản chi phí hợp lý theo luật định thì số tiền bị hại yêu cầu là có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo cũng thống nhất theo yêu cầu của bị hại.

[7] Đối với bị hại Nguyễn Minh T1 mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

- Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về bồi thường thiệt hại (Căn cứ Điều 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015): Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho Nguyễn Minh T1 số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng (Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự): Tịch thu, tiêu hủy một cây dao tự chế (Cây “phẳng” phát cỏ), có cán bằng gỗ dài 23,6cm, phần lưỡi bằng kim loại có lưỡi cắt dài 87cm, đầu lưỡi bằng rộng 05cm. Vật chứng hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S đang quản lý.

- Về án phí (Căn cứ **khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**): Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại được tính từ ngày nhận được bản án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh S;
- Sở tư pháp tỉnh S;
- VKSND huyện T;
- CAND huyện T (CQCSĐT; Bộ phận HSNVCS;
- CQTHAHS; Nhà tạm giữ);
- THADS huyện T;
- Lưu (HSVA; TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng